

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI
Số: 71/2017/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Gia Lai, ngày 07 tháng 12 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ NĂM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Thực hiện Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

Xét Tờ trình số 4318/TTr-UBND ngày 16/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai Khóa XI, Kỳ họp thứ Năm thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2017 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17 tháng 12 năm 2017. 

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Ủy ban TVQH;
- VPQH; VPCP;
- Cục kiểm tra văn bản-Bộ Tư pháp;
- Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Website: <http://dbndgialai.vn>;
- Báo Gia Lai; Đài PTTH tỉnh;
- Lãnh đạo và chuyên viên phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT- TH.

CHỦ TỊCH



Dương Văn Trang

QUY ĐỊNH

Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 71/2017/NQ-HĐND
ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước cho các ngành, các cấp ở địa phương thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai là căn cứ để lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 của tỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là UBND cấp huyện) sử dụng kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020.
2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến việc lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn

1. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.
2. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước phải căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

3. Bảo đảm công bằng, công khai, minh bạch, đúng chế độ trong việc phân bổ vốn kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020.

4. Bảo đảm tương quan hợp lý giữa việc phát triển của các huyện, thị xã, thành phố, ưu tiên hỗ trợ các vùng biên giới, vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khu vực có tỷ lệ hộ nghèo cao.

5. Đối với nguồn kinh phí từ ngân sách tỉnh đối ứng thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020, Ủy ban nhân dân tỉnh ưu tiên và có phương án tập trung đầu tư hỗ trợ cho đối tượng hộ nghèo gia đình chính sách người có công và hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số phát triển sản xuất, vươn lên thoát nghèo bền vững.

Điều 4. Căn cứ hệ số

1. Quy mô dân số, số hộ dân tộc thiểu số, tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số, số hộ nghèo, tỷ lệ hộ nghèo của huyện để tính điểm căn cứ vào số liệu công bố của UBND tỉnh về phê duyệt kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2015 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020.

2. Quy mô dân số, số hộ dân tộc thiểu số, tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số, số hộ nghèo, tỷ lệ hộ nghèo của xã để tính điểm căn cứ vào số liệu công bố của UBND cấp huyện về phê duyệt kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2015 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020.

3. Diện tích đất tự nhiên, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện để tính điểm căn cứ vào số liệu tại thời điểm 31/12/2015 do Cục Thống kê tỉnh công bố.

Điều 5. Tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước

1. Dự án 1. Chương trình 30a (gồm các Tiểu dự án 1,3 và 4)

a) Tiểu dự án 1. Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các huyện nghèo

* Các tiêu chí:

	Tiêu chí	Hệ số
I. Tiêu chí 1: Dân số và dân tộc thiểu số		
1. Dân số		
- Huyện có dưới 5.000 hộ		0,15
- Huyện có từ 5.000 hộ đến dưới 10.000 hộ		0,17
- Huyện có từ 10.000 hộ trở lên		0,2
2. Dân tộc thiểu số		
- Huyện có dưới 5.000 hộ dân tộc thiểu số		0,15
- Huyện có từ 5.000 hộ đến dưới 10.000 hộ dân tộc thiểu số		0,17
- Huyện có từ 10.000 hộ dân tộc thiểu số trở lên		0,2

II. Tiêu chí 2: Tỷ lệ hộ nghèo và quy mô hộ nghèo	
1. Tỷ lệ hộ nghèo	
- Huyện có tỷ lệ hộ nghèo dưới 45%	0,2
- Huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 45% đến dưới 60%	0,22
- Huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 60% trở lên	0,24
2. Quy mô hộ nghèo	
- Huyện có dưới 4.000 hộ nghèo	0,2
- Huyện có từ 4.000 hộ đến dưới 6.000 hộ nghèo	0,22
- Huyện có từ 6.000 hộ nghèo trở lên	0,24
III. Tiêu chí 3: Diện tích đất tự nhiên	
1. Huyện có dưới 50.000 ha	0,1
2. Huyện có từ 50.000 ha đến dưới 100.000 ha	0,12
3. Huyện có từ 100.000 ha trở lên	0,14
IV. Tiêu chí 4: Đơn vị hành chính và huyện có xã biên giới	
1. Đơn vị hành chính	
- Huyện có dưới 10 xã	0,1
- Huyện có từ 10 đến dưới 20 xã	0,12
2. Huyện có xã biên giới	0,1

* Định mức phân bổ vốn:

- Đối với vốn đầu tư phát triển: Tổng vốn đầu tư cho một huyện hưởng cơ chế 70% các huyện theo Nghị quyết 30a = $A \times X$

Trong đó:

A: Định mức vốn bình quân cho một điểm (Bằng tổng vốn giao chia cho tổng số điểm hệ số của tỉnh).

X: Tổng điểm theo 04 nhóm tiêu chí của huyện (điểm theo dân số + điểm theo dân tộc thiểu số + điểm theo tỷ lệ hộ nghèo + điểm theo quy mô hộ nghèo + điểm theo diện tích đất tự nhiên + điểm theo số đơn vị hành chính + điểm theo số xã biên giới).

- Đối với kinh phí sự nghiệp duy tu bảo dưỡng của từng huyện: bằng 6,3% vốn đầu tư phát triển của huyện đó.

b) Tiêu dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hoá sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo (kinh phí sự nghiệp)

- Tiêu chí và định mức phân bổ thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Quy định này.

c) Tiểu dự án 4. Hỗ trợ cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài (kinh phí sự nghiệp)

- Tiêu chí và định mức phân bổ thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Quy định này.

2. Dự án 2. Chương trình 135 (gồm các Tiểu dự án 1,2 và 3)

a) Phân bổ vốn thực hiện Tiểu dự án 1 và Tiểu dự án 2

* Các tiêu chí:

- Tiêu chí về xã (xã khu vực III, khu vực II, xã biên giới): Hệ số (H1);

- Tiêu chí về thôn đặc biệt khó khăn: Hệ số (H2);

- Tiêu chí về tỉ lệ hộ nghèo: Hệ số (H3);

- Tiêu chí về tỷ lệ dân tộc thiểu số: Hệ số (H4).

* Cách tính hệ số các tiêu chí cho huyện thực hiện chương trình 135:

Áp dụng hệ số tiêu chí phân bổ theo hướng dẫn tại Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 như sau:

- Tiêu chí về xã:

Đối với xã	Hệ số (H1)
Cứ mỗi xã khu vực III (kể cả là xã biên giới) được tính	10
Cứ mỗi xã khu vực II biên giới được tính	9,5
Cứ mỗi xã khu vực I, xã không thuộc vùng dân tộc và miền núi là xã biên giới được tính	8,5

- Tiêu chí về thôn đặc biệt khó khăn:

Số thôn đặc biệt khó khăn	Hệ số (H2)
Cứ 01 thôn đặc biệt khó khăn thuộc diện đầu tư được tính	1,8

Xã khu vực III, II, xã biên giới, thôn đặc biệt khó khăn theo Quyết định 582/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ, về việc Phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020. Đối với các xã khu vực II có trên 4 thôn (làng) đặc biệt khó khăn thì chỉ tính đầu tư cho 4 thôn (làng).

- Tiêu chí về tỷ lệ hộ nghèo:

Tỷ lệ hộ nghèo của xã	Hệ số
------------------------------	--------------

	(H3)
Thấp hơn tỷ lệ chung của huyện	0
Nhỏ hơn hoặc bằng 1,5 lần tỷ lệ chung của cả huyện	0,02
Nhỏ hơn hoặc bằng 2 lần tỷ lệ chung của cả huyện	0,03
Nhỏ hơn hoặc bằng 2,5 lần tỷ lệ chung của cả huyện	0,04
Cao hơn 2,5 lần tỷ lệ chung của cả huyện	0,05

Tỷ lệ hộ nghèo của huyện để tính toán hệ số được xác định căn cứ vào số liệu công bố Tổng điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2015 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Tiêu chí về tỷ lệ người dân tộc thiểu số:

Tỷ lệ dân tộc thiểu số của huyện	Hệ số (H4)
Dưới 20%	0,03
Từ 20% - 30%	0,04
Trên 30%	0,05

- Cách tính hệ số K:

- H (tổng các hệ số) = (H1+ H2) x (1 + H3 + H4)	Hệ số K
H nhỏ hơn 17 điểm	0,8
H =17 đến 25 điểm	1
H lớn hơn 25 điểm	1,2

* Phương pháp tính mức vốn được phân bổ cho huyện:

- Tiêu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn:

+ Vốn đầu tư phát triển:

Tổng mức vốn đầu tư phát triển phân bổ cho một huyện có các xã đặc biệt khó khăn được tính bằng tổng số vốn đầu tư phát triển được phân bổ cho các xã đặc biệt khó khăn trên địa bàn huyện đó cộng với tổng số vốn đầu tư phát triển được phân bổ cho các thôn, làng đặc biệt khó khăn thuộc các xã khu vực I, II (theo định mức vốn 200 triệu đồng/thôn (làng) theo hướng dẫn của Ủy ban Dân tộc) trên địa bàn huyện đó.

Mức vốn đầu tư phát triển phân bổ cho một xã đặc biệt khó khăn được tính bằng công thức:

$$X = Y \times K$$

Y là mức vốn đầu tư phát triển thuộc Chương trình 135 bình quân cho một xã đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh, được tính bằng:

$$Y = (M-L) : N$$

+ N là tổng số xã đặc biệt khó khăn cả tỉnh.

+ M là tổng vốn đầu tư phát triển thuộc Chương trình 135 cả tỉnh.

+ L là vốn đầu tư phát triển phân bổ cho các thôn, làng đặc biệt khó khăn thuộc các xã khu vực I, II (theo định mức vốn 200 triệu đồng/thôn (làng) theo hướng dẫn của Ủy ban Dân tộc)

+ Kinh phí sự nghiệp duy tu bảo dưỡng của từng huyện: bằng 6,3% vốn đầu tư phát triển của huyện đó.

- Tiêu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn:

Tổng mức vốn được phân bổ cho một huyện có các xã đặc biệt khó khăn được tính bằng tổng số vốn được phân bổ cho các xã đặc biệt khó khăn trên địa bàn huyện đó cộng với tổng số vốn được phân bổ cho các thôn, làng đặc biệt khó khăn thuộc các xã khu vực I, II (theo định mức vốn 50 triệu đồng/thôn (làng) theo hướng dẫn của Ủy ban Dân tộc) trên địa bàn huyện đó.

Mức vốn hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo được phân bổ cho một xã đặc biệt khó khăn được tính bằng công thức:

$$X1 = Y1 \times K$$

Y1 là mức vốn hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình 135 bình quân cho một xã đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh, được tính bằng:

$$Y1 = (M1-L1) : N$$

+ N là tổng số xã đặc biệt khó khăn cả tỉnh.

+ M1 là tổng vốn hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình 135 cả tỉnh.

+ L1 là vốn hỗ trợ sản xuất, đa dạng sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo phân bổ cho các thôn, làng đặc biệt khó khăn thuộc các xã khu vực I, II (theo định mức vốn 50 triệu đồng/thôn (làng) theo hướng dẫn của Ủy ban Dân tộc).

b) Phân bổ kinh phí thực hiện Tiêu dự án 3: Nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn.

Giao cơ quan chủ dự án chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và địa phương có liên quan đề xuất kế hoạch triển khai trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để triển khai thực hiện theo kế hoạch của chương trình giai đoạn 2017-2020.

3. Dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135.

Mức hỗ trợ: Giao cơ quan chủ dự án chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và địa phương có liên quan đề xuất kế hoạch triển khai trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để triển khai thực hiện theo kế hoạch của chương trình giai đoạn 2017-2020.

4. Dự án 4. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin (*kinh phí sự nghiệp*): Bao gồm kinh phí chi cho hoạt động truyền thông về giảm nghèo; hoạt động giảm nghèo về thông tin.

Mức hỗ trợ: Giao cơ quan chủ dự án chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và địa phương có liên quan đề xuất kế hoạch triển khai trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để triển khai thực hiện theo kế hoạch của chương trình giai đoạn 2017-2020.

5. Dự án 5. Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình

Mức hỗ trợ: Giao cơ quan chủ dự án chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và địa phương có liên quan đề xuất kế hoạch triển khai trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để triển khai thực hiện theo kế hoạch của chương trình giai đoạn 2017-2020. /



Dương Văn Trang

